

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2377 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục TTHC ban hành mới; sửa đổi, bổ sung thuộc các lĩnh vực: bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, lâm nghiệp, phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 469/TTr-SNNPTNT ngày 29 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định danh mục TTHC ban hành mới; sửa đổi, bổ sung thuộc các lĩnh vực: bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, lâm nghiệp, phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC -VPCP;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.



Nguyễn Đức Chín



DANH MỤC TTHC BAN HÀNH MỚI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC CÁC LĨNH VỰC: BẢO VỆ THỰC VẬT, CHĂN NUÔI, THỦY SẢN, LÂM NGHIỆP, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 2577 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

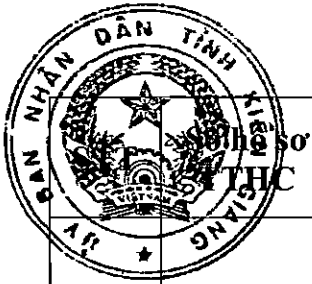
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

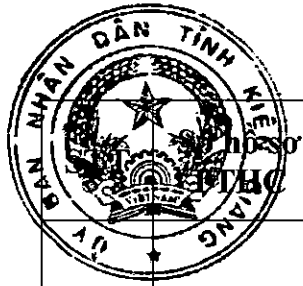
STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT					
1	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	600.000 đồng/lần	Thông tư số 33/2021/TT-BTC
2	1.004509	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không có	Thông tư số 33/2021/TT-BTC
3	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ	Tại địa điểm kiểm tra	Mục III, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật	Thông tư số 33/2021/TT-BTC
4	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	+ 21 ngày làm việc không kể thời gian bỏ	Trung tâm Phục vụ hành	800.000 đồng/lần	Thông tư số 33/2021/TT-BTC

¹ Mức phí, lệ phí mới tại VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế

Handwritten signature



		Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			sung, hoàn thiện hồ sơ. + 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	chính công		
5	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	+ 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	800.000 đồng/lần	Thông tư số 33/2021/TT-BTC



		Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			+ 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.			
II		LĨNH VỰC THÚ Y				
1	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	+ 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; + 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	Thông tư số 101/2020/TT-BTC
2	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	Thông tư số 101/2020/TT-BTC

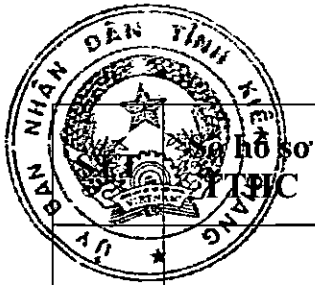
HTZ



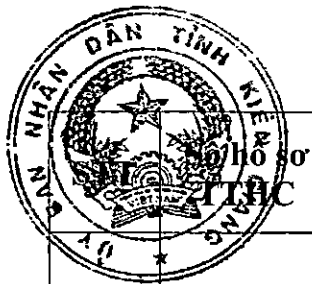
		Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
3	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000đ/lần	Thông tư số 101/2020/TT-BTC
4	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần	Thông tư số 101/2020/TT-BTC
5	1.003781	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC



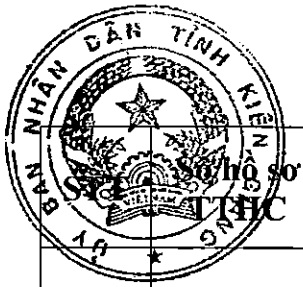
		Tên TT-THC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					ngày 14/11/2016	
6	1.005327	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC
7	1.003619	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC



Số hồ sơ	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
				định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	
8	1.003810	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	+ 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng. + 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC



		Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					ngày 14/11/2016	
9	1.003612	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	+ 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng + 17 ngày: đối với trường hợp còn lại	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC
10	1.003589	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC



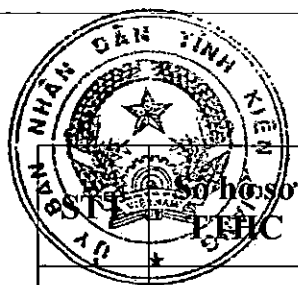
		Tên TT/HC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	
11	1.003577	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC



		Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	
12	1.002239	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	13 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000đ/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC
13	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	+ Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã	Tại nơi kiểm dịch	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC



	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p> <p>+ Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của</p>		283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	



Số hồ sơ TTTC	Tên TTTC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>Luật Thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch - 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm 			



Số hồ sơ TTTC		Tên TTTC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.			
14	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none">- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian	Tại nơi kiểm dịch	<ul style="list-style-type: none">- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y- Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	<ul style="list-style-type: none">+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC.+ Thông tư số 283/2016/TT-BTC



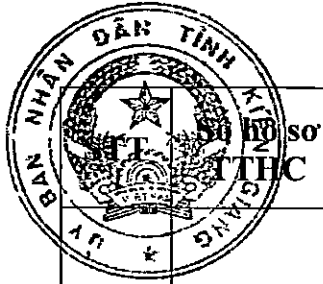
Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
	<p>kiểm dịch</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p>			



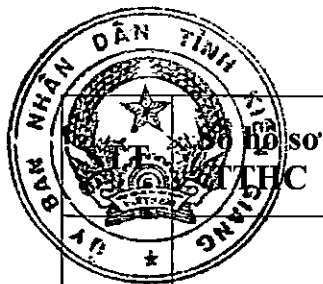
Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
15	2.002132 Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	+ 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn + 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY	Trung tâm phục vụ hành chính công	* Cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận ĐKVSTY do giấy chứng nhận cũ hết hiệu lực: - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động	Thông tư số 101/2020/TT-BTC



		Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần * Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận: Không thu phí	
16	1.001094	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch. + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu	Tại nơi kiểm dịch	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC. + Thông tư số 283/2016/TT-BTC



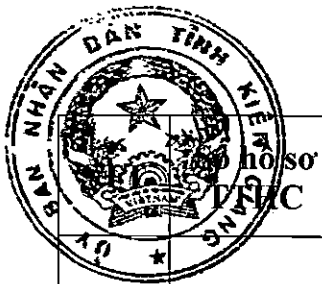
		Tên TTTC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;			
III	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI					
1	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	<p>a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản 	Trung tâm phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần 	Thông tư số 24/2021/TT-BTC



Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
	<p>xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ</p>			



Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:			



Số hồ sơ	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
2	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu	Trung tâm phục vụ hành chính công	Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần



Số hồ sơ TTTC	Tên TTTC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.			
3	1.008128	<p>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn</p>	Trung tâm phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none">- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	Thông tư số 24/2021/TT-BTC



Số hồ sơ TTTC		Tên TTTC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			<p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p>			
4	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p>- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần</p> <p>- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần</p>	Thông tư số 24/2021/TT-BTC



Số hồ sơ	Tên TTHC	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí ¹	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí	Tên VB quy định
I	LĨNH VỰC THỦY SẢN					
1		Xóa đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét)	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Chưa có văn bản quy định	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 về phân cấp quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
2		Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét).	+ 06 ngày làm việc (đối với cấp mới); + 03 ngày làm việc (đối với cấp lại)	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	+ Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; + Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 17/6/2019



	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí	Tên VB quy định
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét)	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Chưa có văn bản quy định	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 17/6/2019
4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét).	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Chưa có văn bản quy định	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 17/6/2019

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí đề nghị công bố ²	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP					
	3.000154	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan.	Chi cục Hải Quan	20.000 đồng/tờ khai	Thông tư 274/2016/TT-BTC

H2

² Mức phí, lệ phí mới tại VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

SSTT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI					
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với UBND cấp xã; - 05 ngày đối với Chủ tịch UBND cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: -10 ngày làm việc đối với UBND cấp xã; - 05 ngày đối với Chủ tịch UBND cấp huyện; - 05 ngày đối với Chủ tịch UBND cấp tỉnh; - UBND cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP